

Chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa hiện nay tại Việt Nam và giải pháp hoàn thiện

○ NGUYỄN NGỌC ÁNH

Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý chất thải nhựa nói chung tại Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện, thể hiện ở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và trong các văn bản pháp luật. Vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi nhựa cũng bước đầu đã được đưa ra, có sự phù hợp nhất định với chính sách của các quốc gia trên thế giới là hướng tới kiểm soát hoạt động sản xuất, tiêu dùng và thải bỏ các sản phẩm chứa vi nhựa. Tuy nhiên, việc thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải nhựa và vi nhựa ở nước ta trên thực tế còn nhiều vướng mắc, bất cập,... Đó đó, cần sớm có các hành động cụ thể để chung tay kiểm soát thực trạng này.

Công tác quản lý chất thải nhựa tại Việt Nam

Việc kiểm soát chất thải nhựa (CTN) nói chung và nguồn gây ô nhiễm vi nhựa thứ cấp nói riêng đang được Việt Nam đặc biệt quan tâm. Nhiệm vụ này đang được gián tiếp thể hiện qua các chính sách giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng CTN, còn kiểm soát nguồn gây ô nhiễm vi nhựa sơ cấp trong sản phẩm, hàng hóa bắt đầu được đề cập chung trong các văn bản chính sách của Đảng và Nhà nước như: Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030, Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu CTN, Quyết định 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý CTN tại Việt Nam, Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Luật BVMT 2020 (Điều 54, Điều 55 và Điều 73), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 hướng dẫn thi hành Luật BVMT 2020 (Điều 64). Luật BVMT năm 2020 quy định điều khoản riêng về rác thải nhựa và vi nhựa. Yêu cầu “Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý rác thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương” (Điều 73). Bên cạnh đó, Luật BVMT năm 2020 quy định rõ 2 trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu gồm: trách nhiệm tái chế (Điều 54) và trách nhiệm xử lý rác thải (Điều 55). Theo đó, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu có trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo một tỷ lệ tái chế bắt buộc và theo quy cách tái chế bắt buộc.

Tại Điều 64, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy

sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa. Cụ thể, Từ ngày 01/01/2026, không sản xuất và nhập khẩu túi ni lông khó phân hủy sinh học có kích thước nhỏ hơn 50 cm x 50 cm và độ dày một lớp màng nhỏ hơn 50 µm, trừ trường hợp sản xuất để xuất khẩu hoặc sản xuất, nhập khẩu để đóng gói sản phẩm, hàng hóa bán ra thị trường. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Giảm dần việc sản xuất và nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa. Sau ngày 31/12/2030, dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần (trừ sản phẩm được chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam), bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa, trừ trường hợp sản xuất để xuất khẩu và trường hợp sản xuất, nhập khẩu bao bì nhựa khó phân hủy sinh học để đóng gói sản phẩm, hàng hóa bán ra thị trường. UBND cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý CTN; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.

Tuy nhiên, việc thực thi chính sách, pháp luật về quản lý CTN và vi nhựa ở nước ta trên thực tế

còn nhiều vướng mắc, bất cập. Theo báo cáo “Nghiên cứu Thị trường cho Việt Nam - Cơ hội và rào cản đối với tuần hoàn nhựa” do IFC và Ngân hàng Thế giới vừa công bố, mỗi năm, khoảng 3,9 triệu tấn nhựa PET, LDPE, HDPE và PP được tiêu thụ tại Việt Nam. Trong số này, chỉ 1,28 triệu tấn (33%) được thu gom tái chế (CFR). Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), năm 2018, Việt Nam là một trong những quốc gia có lượng CTN xả ra biển nhiều nhất trên thế giới. CTN từ hoạt động sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình có xu hướng ngày càng tăng do vấn đề phát triển dân số và sự thay đổi trong thói quen sinh hoạt của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp cả ở trong nước và quốc tế, nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ nhựa ngày càng tăng cao. Điển hình là dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc tiêu dùng các sản phẩm nhựa vô tình đã trực tiếp hoặc gián tiếp được thúc đẩy, ví dụ như: Khuyến cáo hoặc bắt buộc đeo khẩu trang y tế, găng tay, tấm che giọt bắn, quần áo bảo hộ khi tham gia các hoạt động tại khu vực công cộng; khuyến khích sử dụng các phương thức mua bán trực tuyến, qua đó, gián tiếp làm tăng số lượng nhựa sử dụng một lần như túi ni lông trong bảo quản, vận chuyển hàng hóa hoặc việc gia tăng sử dụng hộp, cốc, thìa nhựa khi mua đồ ăn qua mạng hoặc mang về;...

Chính sách thay thế túi ni lông, các sản phẩm nhựa sử dụng một lần bằng các sản phẩm sinh học thay thế cũng đang bộc lộ nhiều bất cập. Ví dụ, ni lông sinh học tự hủy hiểu theo nghĩa đen là sản phẩm có thể tự phân hủy trong thời gian ngắn nhất định, thành các hợp chất hữu cơ đơn giản, dễ hòa tan hoặc phân hủy thành CO₂ và nước, an toàn và thân thiện với môi trường. Thành phần chính của các sản phẩm này thường là thực vật như bã mía, bột mì, bột bắp,... chứa thành phần cellulose. Việc sản xuất các sản phẩm này đòi hỏi thiết bị công nghệ và chi phí cao nên ít được sản xuất và sử dụng rộng rãi. Trên thực tế, ni lông sinh học tự hủy được sản xuất hiện nay lại đang được phối trộn thêm vi nhựa (40 - 50%) và các chất phụ gia. Trong đó, phụ gia ở đây được sử dụng đa dạng, mục đích để định hình kết cấu sản phẩm và giúp cho quá trình phân hủy, phân rã nhanh hơn. Vì thế, mặc dù thời gian phân hủy có ngắn hơn, nhưng khi xả thải ra môi trường chúng vẫn ảnh hưởng trực tiếp lên môi trường thậm chí nguy hiểm hơn nhựa truyền thống bởi các sản phẩm nhựa truyền thống nếu được phân loại, thu gom, xử lý đúng cách sẽ ít gây hại đến môi trường, trong khi các sản phẩm nhựa phân hủy sinh học chứa vi nhựa và phụ gia có thể nhanh chóng phân

rã thành vi nhựa và các hợp chất hóa học khác, khi đó gần như chúng không thể thu gom và xử lý được nữa, điều này sẽ làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm vi nhựa. Đối với các sản phẩm khác như cốc giấy, ống hút giấy, túi giấy, hộp đựng thức ăn bằng giấy,... thay thế các sản phẩm từ nhựa cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Ngoài độ bền không cao, chi phí sản xuất đắt hơn, việc sử dụng các sản phẩm thay thế từ giấy cần rất nhiều gỗ, nước, chất hóa học, nhiên liệu và máy móc hiện đại. Theo một số nghiên cứu, việc sản xuất túi giấy có thể dẫn đến ô nhiễm nhiều hơn 70% so với sản xuất nhựa, nhiều hơn 80% khí nhà kính và gấp 50 lần lượng chất gây ô nhiễm nước. Một túi giấy tái chế cũng đòi hỏi năng lượng nhiều hơn mức cần thiết để tạo ra một túi mới.

Giải pháp kiểm soát ô nhiễm chất thải nhựa

Trong thời gian tới, để kiểm soát ô nhiễm CTN nói chung và vi nhựa nói riêng cần phải có các chính sách, quy định pháp luật phù hợp hơn nữa đối với vấn đề thu gom, tái chế và xử lý CTN một cách hiệu quả, hợp vệ sinh và an toàn với môi trường. Một số giải pháp cụ thể như sau:

Phát triển kinh tế tuần hoàn ngành nhựa: quản lý theo chuỗi giá trị của nhựa, bắt đầu từ khâu thiết kế sản xuất và kiểm soát nguyên liệu đầu vào; đẩy mạnh công tác BVMT trong giai đoạn sản xuất, thương mại và tiêu thụ và thúc đẩy 3R+ (tiết kiệm, tái sử dụng và tái chế).

Thúc đẩy cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR): EPR đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính cho nền kinh tế tuần hoàn về nhựa, thông qua việc nhà sản xuất chịu trách nhiệm về tài chính để quản lý các sản phẩm nhựa và những tác động đến cuối vòng đời của bao bì cũng như khuyến khích thiết kế sinh thái một cách toàn diện trong lĩnh vực kinh doanh.

Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm tái chế từ nhựa, sản phẩm túi ni lông sinh học; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với xử lý vi nhựa trong nước thải; tiêu chí lựa chọn các công nghệ xử lý, tái chế rác thải nhựa.

Nâng cao nhận thức của người dân về giảm thiểu sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần và sản phẩm chứa vi nhựa, đẩy mạnh thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn,...

Bên cạnh đó, tăng cường các giải pháp công nghệ-kỹ thuật thân thiện với môi trường, tái sử dụng hoặc tạo sản phẩm nhựa sinh học dễ phân hủy dùng trong đời sống là rất cần thiết, cần được khuyến khích, đầu tư, tạo điều kiện để có được các kết quả áp dụng vào thực tế. ■